TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2025/HC-PT
Ngày: 23 - 4 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 1112/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2024, về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1070/2025/QĐPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị Ánh L, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số F, đường C, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vương Thanh N, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường B, tổ D, khu E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 08/4/2024.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số A Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T; Địa chỉ: Số A Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T: Ông Võ Chí T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, là người đại diện theo ủy quyền (xin vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; Địa chỉ: Tầng A, tháp A, Tòa nhà T hành chính tỉnh Bình Dương, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số F, đường C, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Vương Thanh N, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Số F, đường C, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Ủy ban nhân dân phường P, địa chỉ: Số A, đường L, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Võ Minh T2, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P (xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:

Bà Huỳnh Thị Ánh L đang quản lý và sử dụng đối với thửa đất số 59 tờ bản đồ số 47; địa chỉ: số nhà F đường C tháng D, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, Bình Dương.

Về nguồn gốc sử dụng đất: Do ông, bà của bà L khai hoang và quản lý sử dụng từ xưa, không rõ thời gian. Năm 1993, bố của bà L là ông Huỳnh Văn T1 quản lý và sử dụng thửa đất đến năm 2001 thì cho lại vợ chồng bà L quản lý và sử dụng. Năm 2001 bà L đã xây dựng nhà và đã được cấp số nhà. Từ đó đến nay bà L quản lý sử dụng thửa đất trên và đóng thuế đất hàng năm cho nhà nước đầy đủ. Trong khoảng thời gian đó bà L đã nhiều lần đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không nhận được câu trả lời rõ ràng từ phía chính quyền, chỉ nghe thông báo là chờ thông tin quy hoạch từ phía Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Sau đó, năm 2019, một phần thửa đất của bà L bị quy hoạch để làm đường phân khu D, phường P. Tuy nhiên, bà L lại được nhận thông báo rằng khu đất bà L đang ở là đất công nên không được đền bù mà chỉ được hỗ trợ 30% giá trị phần nhà cửa đã xây dựng trên đất.

Nhận thấy quyền và lợi ích của mình đang bị xâm phạm bà L đã nhiều lần yêu cầu cơ quan các cấp giải quyết vụ việc. Theo đó thì trong các văn bản mà Ủy ban thành phố Thủ Dầu M đưa ra không thể hiện đất của bà L nằm trong diện đất công cụ thể: Theo Quyết định số 2697/QĐ-UB ngày 14/06/2002 về việc chứng nhận đăng ký quỹ đất công do Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành. Cũng như tại Quyết định 1230/QĐ-UBND ngày 14/04/2013 về việc chứng nhận đăng ký quỹ đất công của UBND phường P có danh sách kèm theo của UBND thành phố T. Theo cả hai quyết định này thì thửa đất của bà L hoàn toàn không có tên nằm trong diện quy hoạch đất công hay đất nghĩa địa. Cũng như theo các tờ bản đồ phân khu mà bà L còn lưu trữ từ trước năm 2013 thì thửa đất của bà L cũng được thể hiện là không thuộc quỹ đất công do phường P quản lý trong khi thửa đất này gia đình bà L sinh sống từ xưa đến nay. Như vậy, Ủy ban nhân dân phường P không có căn cứ để đưa thửa đất của bà L vào diện đất công theo các Công văn số 115/UBND-ĐC ngày 19/07/2019 và Công văn 142/UBND-ĐC ngày 19/08/2019. Cũng tại Công văn số 115/UBND-ĐC ngày 19/07/2019 và Công văn 142/UBND-ĐC ngày 19/08/2019 của Ủy ban nhân dân phường P có nội dung báo cáo thửa đất số 228 tờ bản đồ số 47 thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Thu T3 cũng là đất công giống như trường hợp của bà L. Tuy nhiên, theo thông tin bà L tìm hiểu thì được biết phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 301589 số vào sổ CH 00244 cấp ngày 14/04/2010 do UBND thành phố T cấp cho bà Trần Thị Thu T3.

Ngày 27/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5121/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa đất số 59 để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường phân khu D, phường P, thành phố T. Bà L yêu cầu được cơ quan nhà nước bồi thường 100% theo đúng quy định pháp luật hiện hành để gia đình bà L có thể ổn định cuộc sống mới. Tuy nhiên yêu cầu của bà L không được ủy ban chấp nhận.

Ngày 10/05/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ra Quyết định số 2260 về việc phê duyệt bổ sung quỹ đất công và cố tình đưa thửa đất số 59 của bà L đang sử dụng vào trong danh sách này. Quyết định ra sau các Công văn số 115/UBND-ĐC ngày 19/07/2019 và Công văn 142/UBND-ĐC ngày 19/08/2019 và sau cả Quyết định 5121/QĐ-UBND ngày 27/12/2019. Như vậy diện tích đất của bà L đang sử dụng chưa đưa vào danh sách đất công nào trước đây nhưng vẫn bị thu hồi một phần và kê biên giải tỏa theo diện đất công. Có thể thấy Ủy ban nhân dân thành phố T đã sai trong quá trình làm việc trong khi diện tích đất của bà L hoàn toàn không nằm trong danh sách đất công trước đây nhưng vẫn thuộc diện giải tỏa thu hồi theo các Công văn số 115/UBND-ĐC ngày 19/07/2019 và Công văn 142/UBND-ĐC ngày 19/08/2019. Như vậy nội dung các công văn này hoàn toàn trái với quy định pháp luật về quy trình giải tỏa đền bù. Chứng minh Ủy ban nhân dân thành phố đã sai trong quá trình làm việc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L.

Ngày 25/02/2021, bà L làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố T và cho đến ngày 06/07/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ra Quyết định số 3164/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị Ánh L theo hướng không chấp nhận yêu cầu khiếu nại. Tiếp theo đó ngày 15/07/2022 bà L có làm đơn khiếu nại đến cấp cao hơn là Ủy ban nhân dân tỉnh B và cho đến ngày 15/11/2023 bà L có nhận được Quyết định số 2972/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B theo hướng không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà L.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết:

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 của UBND ngày 10/05/2022 của UBND thành phố T. Cụ thể: yêu cầu hủy quyết định về việc đưa thửa đất số 59 tờ bản đồ số 47 địa chỉ số nhà F, đường C, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào diện đất công;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/07/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Tại Công văn số 2511/UBND-KT ngày 05/6/2024 và 3960/UBND-KT ngày 22/8/2024 của UBND thành phố T *về việc có ý kiến và cung cấp hồ sơ liên quan đối với yêu cầu của người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

1. Về nguồn gốc khu đất công khu E, khu H phường P

Khu đất thửa số 59, tờ bản đồ số 47, tại phường P là đất công thổ (nghĩa địa làng) trước năm 1975. Năm 2006, UBND phường P kiểm tra, phân loại đối tượng lấn chiếm đất công tại khu E, khu H phường P, trong đó có ghi nhận trường hợp bà Huỳnh Thị Ánh L, nguồn gốc sử dụng do ông Huỳnh Văn T1 bao chiếm đất nghĩa địa và cho lại bà Ánh L sử dụng và xây nhà năm 2001.

Năm 2008, UBND phường P đã tổ chức bốc mộ trên phần diện tích đất công khu 5 và khu H, phường P, do hiện trạng là đất trống dẫn đến phát sinh thêm việc lấn chiếm của các hộ dân khác.

Thực hiện Quyết định 343/QĐ-UB ngày 01/08/2012 của UBND thành phố T về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc xây dựng lấn chiếm đất công, xây dựng không phép địa bàn phường P, Đoàn kiểm tra 343 đã tổ chức kiểm tra lấn chiếm đất công trên địa bàn khu E và khu H, phường P phát hiện có 98 trường hợp, trong đó đã tiến hành lập biên bản đối với 95 hộ xây dựng lấn chiếm trên đất công với tổng diện tích đất lấn chiếm 20.070,4m^2 và tổng diện tích xây dựng trái phép là 5.588,2m^2 (trong đó có hộ của bà L).

Năm 2013, UBND thành phố T tiếp tục ban hành Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 về việc công nhận quỹ đất công cho UBND phường P trực

tiếp quản lý và sử dụng đất, bao gồm các thửa đất số 47, 64, 84 (tờ bản đồ số 47); thửa số 07, 63, 105 (tờ bản đồ số 52) với diện tích 13.363,4m².

Thực hiện Thông báo số 871/TB-UBND ngày 21/8/2017 của UBND Thành phố về ý kiến kết luận của ông Bùi Minh T4 - Phó Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp giải quyết tình hình lấn chiếm đất công tại phường P, UBND phường P đã phối hợp cùng Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện rà soát, đo đạc thống kê lại toàn bộ diện tích lấn chiếm, thời điểm, đối tượng lấn chiếm thì kết quả có tổng cộng 99 hộ lấn chiếm đất công (diện tích bị lấn chiếm 20.222,8m^2).

Ngày 14/4/2022, UBND phường có Tờ trình số 42/TTr-UBND về việc về việc công nhận bổ sung các thửa đất công do phường quản lý tại khu phố E và khu phố H, phường P. Đến ngày 10/5/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định 2260/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung quỹ đất công của UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Hiện nay, UBND phường P đang tiếp tục phân loại, xử lý các trường hợp lấn chiếm và thiết lập quản lý quỹ đất công do phường quản lý trên thực địa theo đúng quy định.

2. Quá trình quản lý sử dụng đất (kể cả phần kê khai bốc mộ) của bà Huỳnh Thị Ánh L

Phần diện tích đất bà Huỳnh Thị Ánh L đang sử dụng và xây dựng nhà ở thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 47, phường P, phần đất trên có nguồn gốc là đất công thổ (đất nghĩa địa), do ông Huỳnh Văn T1 (cha của bà Huỳnh Thị Ánh L) bao chiếm sử dụng. Đến năm 2001, ông Huỳnh Văn T1 cho lại các con phần đất do ông bao chiếm.

Ngày 09/11/2001, UBND Phường P đã lập biên bản xử lý vi phạm đối với bà Huỳnh Thị Ánh L đã có hành vi vi phạm: Xây dựng không giấy phép (diện tích xây dựng 40,5m^2) và cùng ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 09/11/2001 về việc xử lý vi phạm hành chính đối với Huỳnh Thị Ánh L do đã có hành vi xây dựng không giấy phép. Ngày 15/3/2004, UBND phường P lập Tờ trình số 68/TT-UB về việc đề nghị xử lý hành vi vi phạm về quản lý sử dụng đất đối với hộ bà Huỳnh Thị Ánh L tại tổ G, khu phố E, phường P.

Ngày 25/12/2005, UBND phường P có Báo cáo số 65/BC-UBND báo cáo về tiến độ kiểm tra việc sử dụng đất công thổ tọa lạc tại tổ G, 92, 83, 93, khu E, Phú Thọ và biên bản xác minh ngày 26/12/2005 xác định khu vực này là đất công thổ.

Ngày 01/08/2006, UBND phường P lập Biên bản số 07/TBB-UBND về việc 73 hộ dân sử dụng đất do nhà nước quản lý trên địa bàn khu E, 8 phường P trong đó có nội dung: "9. Huỳnh Thị Ánh L, tổ G, khu E. *Nguồn gốc: do cha* Huỳnh Văn T1 *cho năm 2001. Diện tích: 150m, trong đó diện tích nhà 40m^2; có thực hiện nghĩa vụ thuế; chưa có hộ khẩu; đất có 04 ngôi mộ và đất thổ mộ không có quan hệ với gia đình bà* L.*"*

Đến năm 2007, Ban Quản lý Dự án Đầu tư thị xã T (nay là Ban Quản lý Dự án Đầu tư thành phố T) thực hiện dự án: Giải tỏa khu vực nghĩa địa tại khu phố E, phường P thì gia đình ông Huỳnh Văn T1 có đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú và xác nhận nguồn gốc ngôi mộ, theo đó ông T1 đăng ký bốc 08 ngôi mộ và nhận tiền bồi thường là 15.700.000 đồng.

Ngày 01/8/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn kiểm tra việc xây dựng trên địa bàn phường P; đến ngày 25/12/2012, Phòng T6 có báo cáo về việc xử lý các hộ lấn chiếm đất công trên địa bàn khu E, khu H, phường P, thành phố T, theo đó đề xuất hướng xử lý như sau: *"Riêng các trường hợp bao chiếm sử dụng nằm trong danh sách kiểm tra, phân loại năm 2006 của* UBND phường P *kiến nghị chờ triển khai quy hoạch dự án đầu tư đối với khu vực trên sẽ thu hồi toàn bộ khu đất trên, sau đó tiến hành xét tái định cư, hỗ trợ theo quy định đối với các trường hợp đủ điều kiện. Các trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ sẽ tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định".*

Ngày 06/06/2018, UBND phường P có Báo cáo số 86/BC-UBND về việc rà soát thống kê các hộ dân lấn chiếm đất công tại khu E, khu H phường P, trong đó thể hiện: Về nguồn gốc của bà Huỳnh Thị Ánh L: Đất do ông Huỳnh Văn T1 bao chiếm đất nghĩa địa (không rõ thời điểm). Sau đó, năm 2001, ông Huỳnh Văn T1 cho bà Huỳnh Thị Ánh L (diện tích là 161,4m^2, diện tích nhà 54,9m^2, thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47), theo số liệu đo đạc thực tế do Văn phòng Đ1 tỉnh năm 2018.

Ngày 27/12/2019, để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng đường phân khu D (từ đường C đến đường A) UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5121/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa 622, một phần thửa 48, một phần thửa 59 (thửa đất bà Huỳnh Thị Ánh L khiếu nại), một phần thửa 611, một phần thửa 84, tờ bản đồ số 47 tại phường P (đất nghĩa địa) và Quyết định số 509V/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đợt 1 của dự án, trong đó có số tiền hỗ trợ của bà Huỳnh Thị Ánh L được nhận là 48.079.605 đồng (hỗ trợ 30% đối với nhà, công trình xây dựng trên đất cho Huỳnh Thị Ánh L do phần diện tích đất được UBND phường P xác định là đất công tại Văn bản số 115/BC-UBND-ĐC ngày 19/07/2019 và Văn bản số 142/UBND-ĐC ngày 19/08/2019).

Đồng thời ngày 14/4/2022, UBND phường P có Tờ trình số 42/TTr- UBND về việc công nhận bổ sung các thửa đất công do phường quản lý tại khu phố E và khu phố H phường P. Đến ngày 10/5/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định 2260/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung quỹ đất công của UBND phường P thành phố T, tỉnh Bình Dương; trong đó có thửa đất của bà Huỳnh Thị Ánh L.

Không đồng ý với việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố T bà Huỳnh Thị Ánh L có đơn đề nghị xem xét lại việc chi trả tiền bồi thường và giải phóng mặt bằng thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường phân khu D (từ đường C đến đường A) và được UBND thành phố T trả lời tại Văn bản số

182/UBND-VP ngày 25/01/2021 về việc giải quyết đơn của bà L kiến nghị yêu cầu bồi thường hỗ trợ về đất, bồi thường 100% đơn giá nhà, công trình xây dựng bị giải tỏa là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Sau đó, bà Huỳnh Thị Ánh L có đơn khiếu nại văn bản nêu trên của UBND thành phố T và được UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 giải quyết khiếu nại (lần đầu); UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 giải quyết khiếu nại (lần hai) về việc bác đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị Ánh L.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử bác đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L do không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Tại Bản trình bày ý kiến của UBND tỉnh B *về việc nêu ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp cho người bị kiện trình bày:*

Ngày 25/02/021, bà Huỳnh Thị Ánh L có đơn khiếu nại Công văn giải quyết đơn của bà Huỳnh Thị Bích L1 khiếu nại công văn số 182/UBND-VP ngày 25/01/2021 của UBND thành phố T giải quyết kiến nghị của bà L1 về việc bồi thường diện tích đất 71,4m^2 cho bà và bồi thường 100% đơn giá nhà, công trình xây dựng bị giải tỏa để thực hiện dự án. Ngày 05/7/2022, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3164/QD-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị Ánh L. Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố T, ngày 15/7/2022 bà Huỳnh Thị Ánh L tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

1. Về nguồn gốc đất và quá trình Nhà nước quản lý

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 phường P, thành phố T có nguồn gốc là đất công thổ (thuộc đất nghĩa địa), do ông Huỳnh Văn T1 (cha của bà Huỳnh Thị Ánh L) bao chiếm sử dụng. Năm 2001, ông Huỳnh Văn T1 cho lại các con phần đất do ông bao chiếm.

Năm 2007, Ban Quản lý dự án đầu tư thị xã T (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố T) thực hiện Dự án giải tỏa khu vực nghĩa địa tại khu phố E, phường P, gia đình ông Huỳnh Văn T1 có đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú và xác nhận nguồn gốc các ngôi mộ. Ngày 01/8/2012, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn kiểm tra việc xây dựng trên địa bàn phường P. Đến ngày 25/12/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T6 có báo cáo về việc xử lý các hộ lấn chiếm đất công trên địa bàn khu E, khu H, phường P, thành phố T, theo đó đề xuất hướng xử lý như sau: *"Riêng các trường hợp bao chiếm sử dụng nằm trong danh sách kiểm tra, phân loại năm 2006 của* UBND phường P*, kiến nghị chờ triển khai quy hoạch dự án đầu tư đối với khu vực sẽ thu hồi toàn bộ khu đất trên, sau đó tiến hành xét tái định cư, hỗ trợ theo quy định đối với các trường hợp đủ điều kiện. Các trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ sẽ tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định".*

Ngày 06/6/2018, UBND phường P có Báo cáo số 86/BC-UBND về việc rà soát thống kê các hộ dân lấn chiếm đất công tại khu E, khu H phường P, trong đó xác định: Về nguồn gốc đất của bà Huỳnh Thị Ánh L là đất do ông Huỳnh Văn T1 (cha của bà Huỳnh Thị Ánh L) bao chiếm đất nghĩa địa (không rõ thời điểm). Sau đó năm 2001, ông Huỳnh Văn T1 cho bà Huỳnh Thị Ánh L diện tích 161,4m^2 (trong đó diện tích nhà 54,9m^2), thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 (theo số liệu đo đạc thực tế do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đo năm 2018).

Ngày 14/4/2022, UBND phường P có Tờ trình số 42/TTr-UBND về việc công nhận bổ sung các thửa đất công do phường P quản lý tại khu phố E và khu phố H phường P. Đến ngày 10/5/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2260/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung quỹ đất công của UBND phường P, thành phố T, trong đó có thửa đất của bà Huỳnh Thị Ánh L đang khiếu nại.

2. Việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Huỳnh Thị Ánh L:

Ngày 28/7/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T lập Biên bản đo đạc, kiểm đếm công trình xây dựng, công trình phụ, vật kiến trúc và cây trồng nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án đối với hộ bà Huỳnh Thị Ánh L (thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 phường P). Theo đó không đo đạc kiểm đếm đối với đất bà Huỳnh Thị Ánh L đang sử dụng do xác định đất công mà chỉ đo đạc kiểm đếm đối với nhà ở, công trình xây dựng, công trình phụ, vật kiến trúc và cây trồng trên đất.

Ngày 15/10/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T lập Bảng áp giá số 7P/BAG-D13 về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất đối với hộ bà Huỳnh Thị Ánh L với tổng số tiền là: 48.079.605 đồng, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng: 32.861.775 đồng, trong đó:

+ Nhà STT03: 22,795m^2 x 2.950.000 đồng/m^2 x 30% = 20.173.575 đồng.

+ Nhà tạm A: 40,28m^2 x 1.050.000 đồng/m^2 x 30% = 12.688.200 đồng.

- Bồi thường công trình phụ, vật kiến trúc (30% đơn giá quy định) với tổng số tiền là: 12.182.830 đồng.

- Bồi thường cây trồng: 3.035.000 đồng.

Ngày 27/12/2019, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5121/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa số 59, tờ bản đồ số 47, phường P (đất nghĩa địa).

Kết luận: Việc bà Huỳnh Thị Ánh L khiếu nại Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T và yêu cầu bồi thường đất bị thu hồi, giải tỏa thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 phường P để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường phân khu D là không có cơ sở xem xét giải quyết, vì:

- Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, quy định: *"Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho*

hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: 2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất".

Đối chiếu với quy định trên, phần đất của bà Huỳnh Thị Ánh L đang khiếu nại (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 phường P) không có hồ sơ kê khai đăng ký, không có các loại giấy tờ liên quan theo luật định, có nguồn gốc là đất nghĩa địa do UBND phường P quản lý, không được UBND phường xác nhận do đó không đủ điều kiện xem xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: *"1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất".*

Vì vậy, hộ bà Huỳnh Thị Ánh L không thuộc trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Công trình nâng cấp mở rộng đường phân khu D phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Nội dung bà Huỳnh Thị Ánh L khiếu nại yêu cầu bồi thường 100% đơn giá đối với tài sản trên đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47, phường P là không có cơ sở xem xét giải quyết, vì bà L thuộc trường hợp lấn chiếm đất công và xây dựng không phép công trình nhà ở trên đất lấn chiếm nên không được xem xét bồi thường, hỗ trợ theo Quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, theo Kết luận của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư tại Biên bản số 80/BB-HĐBTTĐC ngày 19/11/2019 đã xem xét và thống nhất hỗ trợ các trường hợp xây dựng nhà trên đất công 30% đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng. Việc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T lập Bảng áp giá số 7P/BAG-D13 ngày 15/10/2019 cho bà Huỳnh Thị Ánh L, với mức hỗ trợ 30% đối với nhà, công trình xây dựng là việc xem xét mang tính hỗ trợ thêm.

Về nội dung bà Huỳnh Thị Ánh L yêu cầu giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng nhà đối với diện tích còn lại sau khi giải tỏa. Nội dung này, bà Huỳnh Thị Ánh L chưa thực hiện quyền khiếu nại lần đầu tại UBND thành phố T. Vì vậy, căn cứ Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, yêu cầu

của bà Huỳnh Thị Ánh L không thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Từ những nội dung nêu trên, ngày 15/11/2023 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2972/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị Ánh L đối với Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố Thủ Dầu M là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L; công nhận Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Ánh L, là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Thanh N *trình bày:* Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường P *có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại Công văn số 303/UBND-KT ngày 23/8/2023:*

Về nguồn gốc đất là đất công do UBND phường P quản lý và được UBND thành phố T công nhận tại Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/05/2022. UBND phường thống nhất với nội dung các Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Huỳnh Thị Ánh L; Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Ánh L đối với Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (lần 2) và công văn số 2511/UBND-KT ngày 05/6/2024 của UBND thành phố T về việc có ý kiến và cung cấp hồ sơ liên quan vụ án khởi kiện hành chính vụ bà Huỳnh Thị Ánh L.

Bên cạnh đó, qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại UBND phường P, cụ thể là Sổ Mục kê, Sổ đăng ký đất đai và bản đồ 299 thì bà Huỳnh Thị Ánh L không có trong danh sách đăng ký và phần đất này là đất công nên bà Huỳnh Thị Ánh L không có quyền thực hiện thủ tục đăng ký đất đai theo quy định. UBND phường khẳng định phần đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 có nguồn gốc là đất công (đất nghĩa địa làng) có từ trước năm 1975.

Bên cạnh đó, căn cứ hồ sơ lưu trữ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Huỳnh Văn T1 và các thửa đất giáp với phần đất mà bà Huỳnh Thị Ánh L và bà Huỳnh Thị Bích L1 đang khởi kiện tại toà án đều thể hiện cạnh hướng Đông hoặc là đất công thổ hoặc là đất Gò mã hoặc là đất nghĩa địa.

Ngoài ra, các thửa đất liền kề với phần đất của bà Ánh L đang khởi kiện đều là đất công do UBND phường quản lý.

Mặt khác, vào ngày 28/6/2007, bà Huỳnh Thị Ánh L đã nhận tiền đền bù nghĩa địa khu 5 của Ban Bồi thường giải toả thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M với số tiền là 2.100.000 đồng thuộc Công trình "Giải phóng mặt bằng nghĩa địa khu 5 phường P" và Giấy nhận tiền số 188/BB.ĐB công trình "Giải phóng mặt bằng nghĩa địa khu 5 phường P" ngày 28/6/2007 của Ban Bồi thường giải tỏa thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M được bà Bích L1 ký tên có nội dung: "Tôi cam kết đã nhận đủ số tiền trên, không khiếu nại và cam kết thực hiện đúng theo quy định của nhà nước" (Kèm theo hồ sơ chi tiền bồi thường).

Cùng ngày 28/6/2007, ông Huỳnh Văn T1 đã nhận tiền đền bù nghĩa địa khu 5 của Ban Bồi thường giải toả thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M với số tiền là 15.700.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng) thuộc Công trình Giải phóng mặt bằng nghĩa địa khu E phường P và Giấy nhận tiền số 170/BB.ĐB công trình Giải phóng mặt bằng nghĩa địa khu E phường P ngày 28/6/2007 của Ban Bồi thường giải tỏa thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M được ông Huỳnh Văn T1 ký tên có nội dung: "Tôi cam kết đã nhận đủ số tiền trên, không khiếu nại và cam kết thực hiện đúng theo quy định của nhà nước" (kèm theo hồ sơ chi tiền bồi thường).

Do vậy, UBND phường P khẳng định phần đất mà bà Huỳnh Thị Ánh L khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là đất công thổ (đất nghĩa địa) do nhà nước quản lý nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ vào các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 33, 36, 38 và 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và các Điều 16, Điều 20 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L về việc:

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 của UBND ngày 10/05/2022 của UBND thành phố T. Cụ thể: yêu cầu hủy quyết định về việc đưa thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47, địa chỉ số F, đường C, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương của bà Huỳnh Thị Ánh L vào diện đất công;

- Yêu cầu hủy Công văn số 182/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết đơn của bà Huỳnh Thị Ánh L;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/07/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2024, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của người khởi kiện, đồng thời là người kháng cáo (do ông Vương Thanh N đại diện trình bày): Giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ánh L, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L đối với yêu cầu: hủy một phần Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 của UBND thành phố T (cụ thể: yêu cầu hủy quyết định về việc đưa thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47, địa chỉ số F, đường C, hẻm F, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương của bà Huỳnh Thị Ánh L vào diện đất công); hủy Công văn số 182/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T; hủy Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/07/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T và hủy Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B, là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà L không cung cấp được tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 17/02/2025, Tòa án cấp phúc thẩm đưa vụ án ra xét xử nhưng hoãn lại do vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/3/2025, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo là bà Huỳnh Thị Ánh L rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo.

Do người khởi kiện là bà Huỳnh Thị Ánh L rút đơn khởi kiện, căn cứ Điều 234 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi ý kiến của người bị kiện về nội dung này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, những người bị kiện vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản đề nghị người bị kiện trong vụ án gồm Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cho biết ý kiến về việc rút đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L tại phiên tòa phúc thẩm.

Ngày 01/4/2025, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương có Văn bản số 1711/UBND-VP trả lời không thống nhất việc rút đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện xét xử theo đúng quy định.

Ngày 09/4/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có Văn bản số 2076/UBND-BTCD trả lời đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L.

Căn cứ vào các ý kiến nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung.

[1.2]. Về những người tham gia tố tụng:

Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần ba, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T xin xét xử vắng mặt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự nêu trên, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện. Do đó, căn cứ các Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L:

[2.1]. Về đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/05/2022, hủy Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 06/07/2022 của UBND thành phố T giải quyết bác đơn của bà L khiếu nại Công văn số 182/UBND-VP ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T, hủy Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Công văn số 182/UBND-VP là quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định của pháp luật, đồng thời xác định quyết định hành chính bị kiện gồm Công văn số 182/UBND-VP; Quyết định số 2260/QĐ-UBND; Quyết định số 3164/QĐ-UBND và Quyết định số 2972/QĐ-UBND là có căn cứ.

[2.2]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện: là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị kiện:

[2.3.1]. Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47 phường P, thành phố T.

Người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc đất do ông bà của bà L khai hoang và quản lý sử dụng từ xưa. Sau đó, cha của bà L là ông Huỳnh Văn T1 đã quản lý và sử dụng từ năm 1993. Đến năm 2001, ông T1 chuyển giao quyền sử dụng đất lại cho bà L quản lý và sử dụng, khi cho đất không lập thành văn bản.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường P đều thống nhất trình bày: Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47, phường P, thành phố T có nguồn gốc là đất công thổ (thuộc đất nghĩa địa), do ông Huỳnh Văn T1 bao chiếm sử dụng sau đó cho lại con là bà L vào năm 2001.

Bản thân bà L, ông Huỳnh Văn T1 đều không cung cấp được văn bản chứng minh nguồn gốc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 47, phường P, thành phố T mà cho rằng ông T1 khai phá sau đó cho lại bà L đất nhưng cũng không cung cấp được văn bản tặng cho đất. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024 (BL 87), ông Huỳnh Văn T1 trình bày: *"Về nguồn gốc đất thì khi xưa ông* T1 *sống ở* khu phố T, phường A, T, Bình Dương. *Do đặc thù ở* T *thì gia đình có người chết đất vườn ẩm ướt khó chôn nên ông mới chuyển đến* khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương *mới có thể chôn cất được. Vì vậy, sau giải phóng (không nhớ ngày tháng) ông* T1 *có về cất nhà ở giáp với* đường V (thuộc khu phố E, phường P, thành phố T*), ở phía cuối nhà là phần đất có 08 mồ mả gồm: 01 mộ của ông* N1 *của ông* T1 *(*Huỳnh Văn C*), 01 mộ của bà* N1 *(*Nguyễn Thị Q*), 02 mộ của 2 bác (*Huỳnh Văn C1 *và* Huỳnh Văn S*), 01 mộ của bố vợ (*Nguyễn Văn S1*), 02 mộ của 2 cháu (*Lê Hữu H *và* Lê Văn C2*) và 01 mộ vô danh do ông* T1 *nhặt hài cốt an táng. Tổng diện tích bao gồm cả phần mồ mả do ông* T1 *khai phá khoảng hơn 2000m^2. Phần đất giáp đường hơn 1000m^2 thì ông* T1 *đã giao cho con trai út tên* Huỳnh Đức L2. *Nguồn gốc ban đầu là đất thổ mộ, sau đó về khai phá và quản lý sử dụng, rồi cho lại các con"*. Đồng thời, tại Đơn xin tách hộ khẩu ngày 30/8/2005, ông Huỳnh Văn T1 trình bày về nguồn gốc đất như sau: *"Trước kia ông cha nhiều đời đã dùng đất công thổ của chế độ thực dân Pháp, qua đến thời ông* Bảo Đ*, ông* D*, ông* T5 *và cho đến ngày 30/4/1975 vẫn dùng khu đất này làm nghĩa trang cho gia tộc họ Huỳnh"*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bản thân ông T1 cũng xác nhận nguồn gốc thửa số 59, tờ bản đồ số 47 ban đầu là đất thổ mộ, đất nghĩa trang, là có căn cứ.

Mặt khác, ông T1 có kê khai đăng ký các thửa đất số 56, 58 tờ bản đồ số 47 giáp ranh nhà, đất bà L2 ở hiện nay. Ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó biến động qua các thời kỳ thì sơ đồ đất đều thể hiện giáp ranh là "Gò mả" tức phần đất bà L2 ở hiện nay.

Ngoài ra, đối với các thửa đất liền kề phần đất bà L2 đang khởi kiện đều đã được xác nhận là đất công do UBND phường P quản lý.

Mặt khác, tại Giấy nhận tiền số 188/BB.ĐB ngày 28/6/2007 thể hiện ông Huỳnh Văn T1 đã nhận tiền đền bù mồ mả thuộc Công trình Giải phóng mặt bằng nghĩa địa khu E, phường P của Ban Bồi thường giải tỏa thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M với số tiền là 15.700.000 đồng, cam kết không khiếu nại và thực hiện đúng theo quy định của nhà nước. Cùng ngày 28/6/2007, bà L2 cũng đã nhận tiền đền bù mồ mả thuộc Công trình Giải phóng mặt bằng nghĩa địa khu E, phường P của Ban Bồi thường giải tỏa thị xã T theo Giấy nhận tiền số 170/BB.ĐB với số tiền là 2.100.000 đồng, cam kết không khiếu nại và thực hiện đúng theo quy định của nhà nước.

Bản thân ông T1, bà L2 đều không kê khai đăng ký phần đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 47 phường P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L2 cung cấp các biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2010 để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp. Tuy nhiên, theo điểm c, mục 2, Phần 1 Thông tư số 83-TC/TCT ngày 07/10/1994 của Bộ T7 hướng dẫn thi hành Nghị định số 94-CP ngày 25/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh về thuế nhà, đất quy định: *"c) Trong trường hợp còn có sự tranh chấp hoặc chưa xác định được quyền sử dụng đất, kể cả trường hợp lấn chiếm trái phép (bao gồm cả phần diện tích đất lấn chiếm thêm ngoài khuôn viên của tổ chức, cá nhân quản lý cho thuê đã nộp thuế đất), thì tổ chức, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất phải nộp thuế đất. Việc nộp thuế đất trong trường hợp này không có nghĩa là thừa nhận tính hợp pháp về quyền sử dụng đất"* và hiện nay tại Mục 7, Điều 7 của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010 quy định: *"7. Đất lấn, chiếm áp dụng mức thuế suất 0,2% và không áp dụng hạn mức. Việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm"*. Tại Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013 cũng không có quy định Biên lai thuế nhà, đất là giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất, nên việc bà L2 căn cứ biên lai thuế nhà, đất để chứng minh về quyền sử dụng đất là chưa đủ cơ sở để xem xét, giải quyết.

Từ những chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ủy ban nhân dân các cấp xác định phần đất bà L2 đang sử dụng có nguồn gốc thuộc nghĩa địa khu E, phường P, thành phố T, là có căn cứ.

[2.3.2]. Đối với quá trình quản lý đất công của địa phương: Ngày 25/12/2005, UBND phường có Báo cáo số 65/BC-UBND về tiến độ kiểm tra việc sử dụng đất công thổ tại tổ G, 92, 83, 93, khu E, phường P và lập Biên bản xác minh ngày 26/12/2005 xác định khu vực này là đất công thổ. Ngày 01/08/2006, UBND phường P lập Biên bản số 07/TBB-UBND về việc 73 hộ dân sử dụng đất do nhà nước quản lý trên địa bàn khu E, 8 phường P trong đó có nội dung: *"9.* Huỳnh Thị Ánh L*, tổ G, khu E. Nguồn gốc: do cha* Huỳnh Văn T1 *cho năm 2001. Diện tích: 150m^2, trong đó diện tích nhà 40m^2; có thực hiện nghĩa vụ thuế; chưa có hộ khẩu; đất có 04 ngôi mộ và đất thổ mộ không có quan hệ với gia đình bà* L*"*. Ngày 06/6/2018, UBND phường P có Báo cáo số 86/BC-UBND về việc rà

soát thống kê các hộ dân lấn chiếm đất công tại khu E, khu H phường P, trong đó xác định: Về nguồn gốc của bà Huỳnh Thị Ánh L là đất do ông Huỳnh Văn T1 (cha của bà Ánh L) bao chiếm đất nghĩa địa (không rõ thời điểm). Ngày 14/4/2022, UBND phường P có Tờ trình số 42/TTr-UBND về việc công nhận bổ sung các thửa đất công do phường P quản lý tại khu phố E và khu phố H phường P. Vì vậy, UBND phường P đã thực hiện thường xuyên, liên tục việc quản lý phần đất công trong đó có thửa số 59 tờ bản đồ số 47 của bà L.

[2.3.3]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 phê duyệt bổ sung quỹ đất công của UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trong đó có thửa đất của bà Huỳnh Thị Ánh L là phù hợp với nguồn gốc và quá trình quản lý đất công của chính quyền các cấp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc hủy Quyết định số 2260/QĐ-UBND và Công văn số 182/UBND-VP, là có căn cứ.

[2.3.4]. Về yêu cầu bồi thường đất và bồi thường 100% đơn giá nhà, công trình xây dựng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ xác định bà L không thuộc trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường 100% đơn giá nhà, công trình xây dựng để thực hiện Công trình nâng cấp mở rộng đường phân khu D, phường P là có cơ sở.

[2.3.5]. Từ những phân tích trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh L về việc hủy Công văn số 182/UBND-VP, Quyết định số 3164/QĐ-UBND và Quyết định số 2972/QĐ-UBND, là có căn cứ.

[2.4]. Bà Huỳnh Thị Ánh L không cung cấp được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Ý kiến của những người bị kiện, được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Huỳnh Thị Ánh L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, Khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" giữa người khởi kiện bà Huỳnh Thị Ánh L với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

4. Về án hành chính phúc thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị Ánh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000343 ngày 06/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (Bà L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hòa